

HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - TRƯỜNG HỢP CỦA TỈNH ĐỒNG NAI¹

Nguyễn Xuân Trinh*

Trong công cuộc công nghiệp hóa (CNH) và hiện đại hóa (HĐH) đất nước, việc xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất và các mô hình tương tự khác để tập trung nguồn lực, thu hút đầu tư, công nghệ tiên tiến, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu ngành và lãnh thổ là những nhân tố quan trọng góp phần phát triển bền vững nền kinh tế quốc dân nói chung và khu vực nơi có khu công nghiệp (KCN) nói riêng.

Là tỉnh nằm ở trung tâm vùng kinh tế trọng điểm miền Nam, với vị trí địa lý thuận lợi và có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp, Đồng Nai đã chú trọng phát triển các KCN, coi đây là mô hình kinh tế năng động và phù hợp với đặc điểm cụ thể của địa phương. Thực tế những năm qua cho thấy, việc xây dựng các KCN ở Đồng Nai không chỉ có ý nghĩa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đơn thuần về mặt số lượng, mà còn kéo theo những biến đổi kinh tế - xã hội sâu sắc với việc hình thành các khu dân cư, đô thị mới cùng làn sóng di dân trên diện rộng. Việc thành lập các KCN trong tổng thể phát triển kinh tế bền vững quốc gia và khu vực là vấn đề đang được các cơ quan quản lý nhà nước hữu quan, những người hoạch định chính sách phát triển KCN và giới kinh doanh quan tâm nghiên cứu. Đây là vấn đề rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau khi xây dựng KCN. Trong khuôn khổ của bài viết này, tác giả chỉ trình bày một số nội dung chủ yếu về

phát triển bền vững KCN ở Việt Nam nhìn từ bài học kinh nghiệm của tỉnh Đồng Nai.

1. Phát triển khu công nghiệp - một hướng đi đúng đắn và thích hợp của Đồng Nai

Trong chiến lược phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Nam, do có vị trí thuận lợi, nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp, lại nằm kế cận thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, ngay từ những năm đầu thập kỷ 1990, Đồng Nai đã chú trọng tập trung xây dựng và phát triển các khu công nghiệp. Với những kinh nghiệm có được từ mô hình "khu kỹ nghệ Biên Hòa" được thành lập từ năm 1963 mà nay là KCN Biên Hòa I, Đồng Nai đã xây dựng KCN Biên Hòa II do Công ty phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng. Trên thực tế, KCN Biên Hòa II là KCN đầu tiên được xây dựng ở Việt Nam sau ngày thống nhất đất nước do Sonadezi Biên Hòa - một doanh nghiệp nhà nước đầu tiên được thành lập trong lĩnh vực kinh doanh hạ tầng KCN xây dựng hạ tầng.

Với sự ra đời và hoạt động của KCN Biên Hòa I và xây dựng KCN Biên Hòa II, Đồng Nai được coi là tỉnh đi tiên phong, đột phá trong cách làm mới phát triển công nghiệp

* Nguyễn Xuân Trinh, Tiến sỹ Kinh tế, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

gắn liền với việc tập trung nguồn lực để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại trên diện rộng. Đó là hướng đi đã được thực tế kiểm nghiệm tính đúng đắn và hiệu quả, phù hợp với tiến trình CNH, HĐH đất nước.

Nếu để ý rằng công ty Sonadezi Biên Hòa được thành lập trước khi Nhà nước chính thức có chủ trương xây dựng KCN (1991) và ban hành các văn bản pháp qui sau đó đối với lĩnh vực này, thì mới thấy hết những khó khăn, trần trối, phức tạp mà những người trong cuộc từng nếm trải từ những ngày đầu khởi nghiệp.

Nhìn vào bức tranh chung thu hút đầu tư, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, mới thấy hết vai trò của các KCN của tỉnh. Đến nay, tại Đồng Nai có 897 dự án đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký là 11611 triệu USD, trong đó các KCN có 734 dự án, 9463 triệu USD, chiếm 81,8% về dự án và 81,5% về vốn đăng ký của tất cả các dự án có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Nếu tính chung cho tất cả các dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực trong các KCN cả nước, thì tỷ lệ này tương ứng là 28,2% và 37,4%.

Đây thực sự là những con số ấn tượng, khẳng định tính hấp dẫn và tầm quan trọng của các KCN Đồng Nai đối với sự phát triển kinh tế quốc gia nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng trong những năm qua. Vai trò của các KCN Đồng Nai cũng được khẳng định rõ hơn khi hiện nay hơn 90% số dự án đầu tư tại tỉnh này là dự án đầu tư nước ngoài, đang tạo ra doanh thu, kim ngạch xuất khẩu rất đáng kể và số việc làm lớn cho lao động của các KCN tỉnh².

Chính vì vậy, tuy mới được chú ý phát triển trong gần hai thập kỷ qua, nhưng số lượng các KCN thành lập mới không ngừng tăng. Đến nay, trong cả nước có 179 KCN, KCX được thành lập, trong đó Đồng Nai có 25 khu với tổng diện tích 6912 ha, chiếm 16% diện tích đất của tất cả các KCN cả nước. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, các doanh nghiệp xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN đã đầu tư hơn 254 triệu USD xây dựng hạ tầng KCN, đã cho thuê 3089 ha, chiếm 66,3% diện tích đất công nghiệp dùng cho thuê. Trong số 25 KCN được thành lập, có 19 KCN đã đi vào hoạt

động kinh doanh cho thuê đất, trong đó có 6 KCN đã cho thuê hết 100% diện tích đất, 13 KCN đã cho thuê 50% diện tích đất kinh doanh. Các KCN khác đang làm thủ tục đền bù giải tỏa, xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư. Ngoài ra Đồng Nai cũng đang qui hoạch xây dựng thêm 42 cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp qui mô vừa và nhỏ với tổng diện tích 2023 ha để phát triển các ngành nghề nông thôn, tiểu thủ công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế việc bố trí các dự án công nghiệp xen kẽ với các khu dân cư, bảo đảm mục tiêu phát triển ổn định, bền vững.

Có thể nói, các KCN Đồng Nai đang là điểm nhấn trong toàn bộ bức tranh phát triển KCN cả nước, khẳng định tính đúng đắn, bước đi phù hợp của tỉnh trong chiến lược phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng.

2. Khu công nghiệp và vấn đề đảm bảo phát triển bền vững ở Đồng Nai

Phát triển bền vững là sự kết hợp hài hòa giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, vừa bảo đảm lợi ích phát triển trong ngắn hạn mà không làm tổn hại đến lợi ích trong dài hạn của đất nước.

Đối với các KCN, để đảm bảo sự phát triển bền vững, cần lưu ý 3 nhân tố chính sau đây:

Một là, bảo đảm để KCN phát triển thành công, thu hút đầu tư, thành lập doanh nghiệp trong KCN, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương và cả nước.

Hai là, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội, cải thiện và nâng cao mức sống của người dân trong vùng, của người lao động trong KCN, kể cả dân mới đến và dân cư địa phương.

Ba là, bảo vệ môi trường KCN.

Ngoài những nội dung chính nói trên, cung cấp lao động cho các KCN, và đi liền với đó là việc tổ chức đào tạo và đào tạo lại lao động cho các loại đối tượng này cũng là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững KCN. Tuy nhiên, do hạn chế của nguồn thông tin số liệu, ở đây tác giả chỉ đề cập 3 nội dung chính nêu trên.

2.1. Thu hút đầu tư vào KCN - vấn đề từ khâu qui hoạch phát triển KCN

Ngay từ khi bắt đầu chủ trương xây dựng KCN ở nước ta, Chính phủ đã chú trọng khâu qui hoạch phát triển KCN. Năm 1996, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 519/QĐ-TTg phê duyệt Qui hoạch tổng thể phát triển KCN đến năm 2010, theo đó, đến năm 2000 cả nước chỉ thành lập 33 KCN, khu chế xuất (KCX). Tuy vậy, theo đề nghị của nhiều tỉnh và được sự ủng hộ của nhiều bộ và cơ quan liên ngành ở Trung ương, đến cuối năm 1996, Thủ tướng Chính phủ đã bổ sung, điều chỉnh qui hoạch, đưa số KCN dự kiến thành lập đến năm 2000 lên đến 90. Đến nay (3/2008), trên thực tế, cả nước có 179 KCN được thành lập, tăng gấp hơn 5,4 lần so với dự kiến ban đầu (năm 1996). Với số KCN được thành lập tăng nhanh như vậy, không những khả năng thu hút đầu tư - nhân tố chính bảo đảm sự thành công của các KCN đang bị gây áp lực nặng nề, mà việc hình thành và phát triển của các khu dân cư, đô thị song hành với các KCN cũng bị tác động nghiêm trọng.

Theo số liệu của Vụ Quản lý KCN, KCX (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), đến cuối tháng 12/2007, các KCN, KCX đã thu hút được 2600 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng số vốn đầu tư đăng ký 25,3 tỷ USD và 2800 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đầu tư đăng ký gần 137 nghìn tỷ đồng. Tính bình quân 1 ha đất công nghiệp trong các KCN thu hút được 1,93 triệu USD. Cũng có ý kiến cho rằng, hiện nay Việt Nam đã hội nhập, mở cửa với hầu hết các thị trường quốc tế, đầu tư nước ngoài tăng nhanh trong 2 năm gần đây³ thì khả năng thu hút đầu tư nước ngoài vào KCN là rất khả quan. Tuy nhiên, theo tính toán của nhiều chuyên gia, với qui mô dự án và tốc độ thu hút đầu tư vào KCN như hiện nay thì cũng cần nhiều năm, thậm chí nhiều thập kỷ nữa mới lấp đầy các KCN hiện đang hoạt động.

Nhìn vào bức tranh qui hoạch phát triển KCN của Đồng Nai, có thể thấy tình hình tương tự như của cả nước. Nếu trước năm 2003, Chính phủ mới phê duyệt qui hoạch 10 KCN với diện tích 2718 ha, thì đến nay đã có 25 KCN được thành lập trên địa bàn tỉnh với

tổng diện tích 6912 ha, gấp 2,5 lần cả về số lượng và diện tích của các KCN trên địa bàn.

Tuy nhiên, tình hình thu hút đầu tư vào các KCN Đồng Nai khả quan hơn so với bức tranh chung cả nước. Trong số 19 KCN đang hoạt động, đã cho thuê 3089 ha, chiếm tỷ lệ 66,3% diện tích đất kinh doanh. Qui mô bình quân một dự án KCN là 13 triệu USD, diện tích 4 ha. So với mức bình quân chung của các dự án đầu tư vào KCN cả nước thì qui mô dự án trong các KCN Đồng Nai cao hơn cả về vốn đầu tư và diện tích thuê đất. Khả năng thu hút đầu tư vào KCN tại đây cũng khả quan hơn. Đây có thể là nhân tố bảo đảm cho các KCN Đồng Nai lấp đầy nhanh hơn so với KCN ở các địa phương khác.

Tuy nhiên, hầu hết các dự án đầu tư trong các KCN Đồng Nai là dự án có vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước chỉ chiếm khoảng 6% tổng số vốn đầu tư trong KCN. Năng lực tài chính hạn chế, trình độ công nghệ thấp cả về khả năng tạo lập công nghệ nội sinh và hấp thụ công nghệ mới là nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này. Điều đó đã làm hạn chế rất lớn việc phát huy nội lực đầu tư trong nước, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư, các hình thức đầu tư vào KCN Đồng Nai.

2.2. Khu công nghiệp với việc hình thành các khu đô thị, làn sóng di dân và giải quyết những vấn đề xã hội

Cùng với việc thành lập và phát triển các KCN, sẽ hình thành các khu đô thị, khu dân cư mới với làn sóng di dân trên diện rộng vào một địa bàn và không gian lãnh thổ nhất định. Đó là kết quả của sự gia tăng nhanh chóng lực lượng lao động trong các KCN. Đến cuối năm 2007, có khoảng 92 vạn lao động làm việc trực tiếp trong các KCN, chưa kể số lao động trong các công đoạn phụ trợ cho hoạt động sản xuất chính trong các khu này⁴. Nếu lưu ý rằng, phần lớn số lao động này là từ nơi khác đến, chiếm trên 63% tổng số lao động trong các KCN, thì cùng với các thành viên khác của gia đình họ (đã có và sẽ có), sẽ hình thành các khu dân cư, đô thị mới với mật độ dân số rất cao.

Tình trạng căng thẳng gia tăng dân số, bất ổn xã hội, ô nhiễm môi trường, hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực, nhất là hệ thống giao thông

không theo kịp đà phát triển của KCN và các khu vực đô thị mới này đang là những vấn đề hết sức gay gắt cần có biện pháp giải quyết.

Riêng nhà ở cho công nhân các KCN đang là vấn đề hết sức bức xúc hiện nay. Theo một điều tra mới đây của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, tình trạng nhà ở cho công nhân làm việc trong các KCN, đặc biệt là cho đối tượng lao động từ nơi khác đến là hết sức căng thẳng, đáng lo ngại. Tình trạng không có qui hoạch nhà ở, thiếu nhà ở kéo dài cho công nhân làm việc trong các KCN, buộc họ phải đi thuê nhà ở, mà thực chất là nhà trọ ở những khu vực dân cư kế cận KCN với điều kiện ăn ở rất khó khăn, mất vệ sinh, trong khi thu nhập bình quân tháng còn rất hạn hẹp đang là những bất ổn lớn đối với đối tượng này.

Tuy tình hình nhà ở cho công nhân KCN Đồng Nai được giải quyết khả quan hơn, nhưng cũng đang là áp lực lớn đối với số lao động ngày một gia tăng tại đây. Theo báo cáo của Vụ Quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), hiện nay có hơn 29 vạn lao động làm việc trong các KCN của Đồng Nai. Để cung cấp nhà ở cho số lao động này, hiện có 3 đối tượng xây dựng kinh doanh nhà ở, nhà trọ là người dân địa phương, một số xí nghiệp KCN và công ty xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN. Việc xã hội hóa kinh doanh nhà ở như vậy đã giải quyết được nhu cầu ở trọ của công nhân; riêng 8 doanh nghiệp KCN cung cấp 6500 chỗ ở, hai công ty xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN xây nhà ở cho 6000 công nhân.

Vấn đề đang được đặt ra là hiện nay các KCN Đồng Nai tập trung chủ yếu ở 3 khu vực trọng điểm là thành phố Biên Hòa và vùng kế cận, huyện Nhơn Trạch và Long Thành. Một mặt khi xây dựng qui hoạch phát triển KCN Đồng Nai nói chung, và nhất là các KCN ở 3 vùng trọng điểm này của tỉnh, việc hình thành các khu đô thị vệ tinh với những điều kiện hạ tầng kỹ thuật như hệ thống giao thông, hạ tầng xã hội như nhà ở, bệnh viện, trường học, các khu dịch vụ thiết yếu chưa được tính đến một cách đầy đủ, đồng bộ, đã là những trở ngại đối với sự phát triển của các KCN nói chung và đời sống của các đối tượng lao động nói riêng trong các khu này.

2.3. Bảo vệ môi trường KCN

Bảo vệ môi trường nói chung và môi trường KCN nói riêng, một vấn đề của phát triển bền vững và quản lý môi trường là một khía cạnh, một yêu cầu hết sức quan trọng cần được tính đến trong phát triển các KCN. Ngay từ khi mới có chủ trương thành lập KCN, vấn đề này đã sớm được quan tâm chú ý của Nhà nước, chính quyền địa phương, các công ty xây dựng hạ tầng KCN và của chính bản thân các doanh nghiệp trong KCN. Thực tế những năm qua cho thấy nhiều KCN dù mới được thành lập và đi vào hoạt động, nhưng đã phát triển nhanh, đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế, đồng thời kiểm soát, quản lý tốt môi trường. Nhiều KCN được thành lập để di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra ngoài các thành phố và khu dân cư như ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Đó là những kết quả rất đáng ghi nhận.

Trên thực tế, việc quản lý môi trường các KCN, mà cụ thể là các biện pháp xử lý các chất thải rắn, khí thải và nước thải công nghiệp trước hết được thực hiện thông qua đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư vào khu công nghiệp và quá trình theo dõi thực hiện các biện pháp này của các chủ đầu tư.

Đánh giá tác động môi trường trong dự án đầu tư là công việc hầu như mang tính chất hành chính, do cơ quan quản lý môi trường địa phương là Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện với sự trợ giúp của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong những trường hợp có những yếu tố phức tạp về môi trường. Tuy nhiên, quá trình triển khai các biện pháp cụ thể của các chủ đầu tư còn nhiều bất cập.

Kết quả khảo sát của đề tài "Đánh giá hiệu quả quản lý KCN ở một số địa phương" của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật (tháng 1/2007) cho thấy tác động của các KCN đối với tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái đất, nước, khí hậu ở những khu vực có KCN là không nhỏ. Nghiêm trọng nhất là vấn đề xử lý nước thải. Vấn đề này đang diễn ra hết sức nghiêm trọng ở một số KCN hoặc khu vực tích tụ mật độ lớn các xí nghiệp công nghiệp như KCN sông Công ở Thái Nguyên, KCN Tiên Sơn ở Bắc Ninh, các nhà máy hóa chất ở Lâm

Thao, Việt Trì tỉnh Phú Thọ và một số KCN khác đã được đề cập nhiều trong công luận.

Thực tế chỉ ra rằng, ở những địa phương nào mà vấn đề môi trường được sự quan tâm sâu sát của các cơ quan chính quyền, Ban quản lý các KCN, các công ty xây dựng hạ tầng KCN thì ở đó vấn đề bảo vệ môi trường KCN được kiểm soát tốt.

Ở Đồng Nai, trong số 19 KCN đang hoạt động (trong tổng số 25 khu theo qui hoạch), mới chỉ có 8 khu đã có và 2 khu đang xây dựng nhà máy xử lý nước thải, trong đó đáng chú ý là KCN Biên hòa II (nhà máy xử lý nước thải công suất 4000m³/ngày), KCN Long Thành (5000m³/ngày), KCN Nhơn Trạch II (5000 m³/ngày). Cùng với việc duy trì diện tích cây xanh với tỷ lệ thích hợp (khoảng 15-20% diện tích KCN), việc thu gom và xử lý tốt nguồn nước thải từ các nhà máy đã giúp các KCN này giải quyết tốt vấn đề môi trường khu vực.

Các chất thải rắn không nguy hại từ các KCN, mà chủ yếu là chất thải không thể tái tạo được công ty dịch vụ môi trường tỉnh xử lý. Việc thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại chủ yếu do doanh nghiệp hoặc các cơ sở chức năng thực hiện.

Đối với khí thải KCN, việc thu gom và xử lý do doanh nghiệp trong khu tự đầu tư trang thiết bị, công nghệ với sự theo dõi, kiểm soát của cơ quan bảo vệ môi trường tỉnh.

Cách quản lý và xử lý môi trường trong các KCN như trên là cần thiết, nhưng cần được quán triệt thực hiện ở tất cả các KCN, kể cả các khu sẽ được thành lập ở Đồng Nai, chứ không phải chỉ ở một số ít KCN đã đi vào hoạt động ổn định. Tuy nhiên, nếu việc bảo vệ môi trường các KCN chỉ là sự quan tâm, nỗ lực từ một phía của các cấp chính quyền và các đối tượng gây ô nhiễm môi trường KCN là chưa đủ. Vấn đề không kém phần quan trọng là tạo điều kiện để cộng đồng dân cư và mọi đối tượng liên quan được tham gia trực tiếp vào quá trình này. Muốn vậy, cần phải minh bạch hóa thông tin về môi trường KCN để người dân và tất cả các đối tượng chịu tác động, ảnh hưởng được cung cấp thông tin chính thống, đầy đủ, kịp thời và chính xác về những gì đang diễn ra trong môi trường hoạt động của

họ. Đó là trách nhiệm của các cơ quan chức năng và các chủ thể trong KCN.

3. Một số gợi ý chính sách về phát triển bền vững các KCN Việt Nam

Trên đây chỉ đề cập 3 nội dung chủ yếu của phát triển bền vững các KCN ở Việt Nam với những dẫn chiếu cụ thể trường hợp các KCN Đồng Nai. Để hướng tới phát triển bền vững các KCN sắp tới, dưới đây xin đề xuất một số kiến nghị sau:

3.1. Phát triển các KCN theo quan điểm tổng thể, gắn KCN với các khu vực đô thị, nhất là những đô thị mới được hình thành do xây dựng KCN

Khi thành lập KCN, chúng ta thường chỉ chú trọng vào việc thu hút đầu tư, lấp đầy KCN, bảo đảm các điều kiện cho doanh nghiệp KCN sớm đi vào hoạt động. Nếu đi vào cụ thể thì vấn đề này phụ thuộc vào tính hấp dẫn của từng KCN đối với các nhà đầu tư tiềm năng. Song nếu nhìn một cách tổng thể, việc thu hút các nhà đầu tư vào các KCN ở Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào khả năng cạnh tranh của môi trường đầu tư nói chung, trong đó có số lượng các KCN được thành lập, nhất là những KCN ở những địa phương (tỉnh, thành phố) kế cận hoặc những KCN trong cùng một địa phương. Vấn đề này trước hết phải được giải quyết từ khâu xây dựng qui hoạch phát triển các KCN của Nhà nước và của từng tỉnh. Cần xác định số lượng hợp lý các KCN của từng địa phương và cả nước, tránh tình trạng xây dựng KCN theo phong trào, địa phương nào cũng được phê duyệt cho làm KCN mà không tính đến những điều kiện kinh tế, kỹ thuật, xã hội bảo đảm cho sự phát triển bền vững KCN. Đi liền với các KCN, trong qui hoạch tổng thể phải xác định cụ thể hoặc định hướng chuỗi các khu đô thị, dân cư sẽ được hình thành, từ đó chuẩn bị các điều kiện hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và xã hội cần thiết cho toàn bộ khu vực. Đây là vấn đề khó, phức tạp, nhưng cần được tính đến khi duyệt qui hoạch phát triển KCN nói chung và từng KCN nói riêng.

3.2. Hướng tới phát triển bền vững các KCN

Đối với từng KCN, tạo sự phát triển bền vững là yêu cầu tự thân để bảo đảm thành

công và đánh giá chất lượng KCN. Vấn đề cơ bản là phải có sự kết hợp ngay từ đầu yêu cầu tăng trưởng kinh tế với giải quyết những vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường khu vực nơi có KCN. Trước hết đó là việc bảo đảm nhà ở cho lao động làm việc trong các KCN và các thành viên gia đình họ, xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, phúc lợi khác. Cần xác định rằng đây trước hết thuộc trách nhiệm của Nhà nước. Tuy nhiên, cách làm còn tùy thuộc tình hình cụ thể của từng địa phương.

Ngoài việc xã hội hóa kinh doanh nhà ở cho lao động trong KCN nhằm thu hút và đa dạng hóa các nguồn đầu tư và hình thức kinh doanh nhà ở như cách làm của Đồng Nai hiện nay, ngay từ khâu xây dựng qui hoạch KCN, cần xác định khu vực sinh sống của người lao động, kể cả người lao động nước ngoài làm việc trong các KCN, từ đó có kế hoạch xây dựng nhà ở cho các đối tượng này.

Bảo vệ môi trường KCN cần phải được đặt ra như một vấn đề thời sự cấp bách đối với các KCN. Quản lý môi trường KCN cần có cách tiếp cận tổng hợp bền vững, kết hợp giữa việc tạo lập các nguồn tài chính, kỹ thuật công nghệ với những qui định thể chế (chính sách, luật pháp...), với sự nỗ lực kiểm tra, kiểm soát, theo dõi, đánh giá và kịp thời đưa ra các biện pháp giải quyết của tất cả các đối tượng hữu quan, trước hết là của các doanh nghiệp KCN, công ty kinh doanh hạ tầng và các cơ quan quản lý nhà nước.

3.3. Phát triển KCN không chỉ là sự quan tâm của địa phương nơi có KCN, mà trước hết còn là trách nhiệm của Nhà nước

Chính sách và những qui định pháp luật về KCN hiện hành, cơ sở để xây dựng cơ chế quản lý và định hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với KCN, đã tỏ ra bất cập trong tình hình mới, khi Việt Nam đã hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu. Hệ thống pháp luật về KCN cần được hoạch định không chỉ xuất phát từ mục tiêu tự thân của bản thân KCN, mà phải tính đến những yêu cầu xã hội, bảo vệ môi trường hướng tới sự phát triển bền vững. Về vấn đề này, các nước trong khu vực

như Xingapo, Malaixia, Thái Lan và ngay cả Trung Quốc đã có những bài học kinh nghiệm cả thành công và thất bại mà chúng ta cần rút ra cho bản thân mình để tránh những tổn thất hoặc trả giá đắt cho những tính toán sai lầm. Đó chính là vai trò của Nhà nước trong hoạch định và phát triển KCN. □

1. Bài viết cho hội thảo "Hai mươi năm đầu tư nước ngoài tại tỉnh Đồng Nai", tháng 3/2008.
2. Chẳng hạn, theo báo cáo của Ban quản lý các KCN Đồng Nai, đến cuối năm 2006, các KCN Đồng Nai đạt doanh thu 5502 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu 2784 triệu USD.
3. Sau năm đầu tiên gia nhập WTO, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt hơn 20 tỷ USD, Quý I/2008 đạt 5,4 tỷ USD.
4. Ước tính cả hai đối tượng này hiện nay đã lên đến hơn 1,3 triệu người, chưa kể số lao động là người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp KCN. Riêng các KCN Đồng Nai có 29,1 vạn người. KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai có qui mô diện tích 2700 ha khi được lấp đầy sẽ có khoảng hơn 300 nghìn lao động làm việc trong các xí nghiệp trong cùng khu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo "Tóm tắt kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Đồng Nai".
- Báo cáo "Tình hình triển khai thực hiện qui hoạch khu công nghiệp Đồng Nai tháng 8/2007".
- Đề án Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ tháng 12/2007 "Cơ chế ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất".
- Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật (2007), đề tài khoa học "Đánh giá hiệu quả quản lý KCN ở một số địa phương".
- Kỷ yếu "20 năm đầu tư nước ngoài tại Việt Nam", Hà Nội, tháng 2/2008.
- Nguyễn Sinh Cúc (2008), "Ô nhiễm môi trường nông thôn - thực trạng và giải pháp". Tạp chí quản lý kinh tế số 19 3+4/2008, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
- Trần Hồng Kỳ (2008), *Phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất để hình thành, phát triển đô thị công nghiệp: kinh nghiệm của một số nước châu Á và vận dụng vào Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Hà Nội, tháng 5/2008.